

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THUẬN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30-9-2021

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phụng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Thúy An

2. Bà Quách Thị Thu Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Nguyễn - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa: Ông Danh Khênh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2021 về việc “ Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/6/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị La Ánh T, sinh năm 1990 (Có mặt)

Địa chỉ: K 3, P 2, thành phố BL, tỉnh BL.

2. *Bị đơn:* Anh Cao Văn H, sinh năm 1981 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã N, huyện T, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/3/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị La Ánh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh H kết hôn ngày 23/6/2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 2, thị xã Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu. Thời gian đầu chị T chung sống với anh H hạnh phúc được 02 năm, nhưng về sau cả hai không đồng quan điểm nên xảy ra nhiều mâu thuẫn cự cãi không thể chung sống được, chị T bỏ đi nên vợ chồng chị sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay đã gần 10 năm. Nay tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên

chị T yêu cầu ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị T xác định vợ chồng có 01 con chung tên Cao Vĩ K, giới tính nam, sinh ngày 21/02/2009, từ khi ly thân đến nay chị T là người trực tiếp nuôi con, chị yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T xác định không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh H để anh trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị T cũng như tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tham gia phiên tòa nhưng anh H không nộp bản tự khai cho Tòa án, cố tình trốn tránh, vắng mặt không rõ lý do.

Tuy nhiên, Tòa án xác minh bà Trần Thị X (mẹ ruột anh H) xác nhận vợ chồng chị T và anh H cưới nhau năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND Phường 2, thị xã Bạc Liêu. Sau khi cưới nhau thì vợ chồng chị T và anh H chung sống với vợ chồng bà tại ấp Hòa Thành, xã Vĩnh Bình Nam, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang khoảng vài năm, sau đó vợ chồng đi thành phố làm. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị T đi làm có mối quan hệ bất chính với người đàn ông khác bên ngoài bị anh H bắt gặp, vợ chồng chị T và anh H sống ly thân khoảng 8 năm nay (chị T đi khoảng năm 2013 cho đến nay). Nay chị T yêu cầu ly hôn với anh H thì bà đề nghị Tòa án cho vợ chồng chị T, anh H được ly hôn vì hiện tại không còn thương yêu gì. Đối với con chung của vợ chồng chị T và anh H là cháu Cao Vĩ K, giới tính nam, sinh năm 2009, hiện đang chung sống với chị T, cuộc sống được đảm bảo, cả hai vợ chồng đều có khả năng nuôi con.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành tốt các quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định; tuy nhiên bị đơn vi phạm những quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh H. Về con chung đề nghị giao cháu Cao Vĩ K, giới tính nam, sinh ngày 21/02/2009 cho chị nuôi dưỡng, về cấp dưỡng chị T không yêu cầu nên không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Xét thấy, sự vắng mặt của anh H không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh H.

[2] *Quan hệ pháp luật tranh chấp:* Nguyên đơn chị T yêu cầu ly hôn với bị đơn anh H và có yêu cầu giải quyết về nuôi con chung. Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Thẩm quyền giải quyết vụ án:* Bị đơn anh H có nơi cư trú tại ấp Hòa Thành, xã Vĩnh Bình Nam, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang nên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ nên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] *Về nội dung vụ án:* Chị T và anh H xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2009, anh và chị đăng ký kết hôn tại UBND phường 2, thị xã Bạc Liêu vào ngày 23/6/2009 và được cấp giấy đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị T và anh H đã có thời gian chung sống hạnh phúc, nhưng về sau cả hai không đồng quan điểm nên xảy ra nhiều mâu thuẫn cự cãi không thể chung sống được, chị T bỏ đi nên vợ chồng chị sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay đã nhiều năm, trong thời gian ly thân mỗi người sống mỗi nơi, không ai tới lui thăm nhau. Tại phiên tòa, chị T vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với anh H. Đối với bị đơn anh H, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập nhằm mục đích hòa giải để hàn gắn quan hệ hôn nhân nhưng anh H đều vắng mặt không lý do. Điều này đã thể hiện anh H cố tình lẩn tránh, không có thiện chí muốn đoàn tụ gia đình với chị T. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị T và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị T cho chị T được ly hôn với anh H.

[5] *Về con chung*: Chị T xác định trong thời gian chung sống vợ chồng chị có 01 con chung tên Cao Vĩ K, giới tính nam, sinh ngày 21/02/2009, hiện cháu K đang chung sống với chị T, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy nguyện vọng của cháu K được chung sống với chị T, từ khi chị T và anh H sống ly thân cho đến nay chị T là người trực tiếp nuôi con, cuộc sống của con được đảm bảo, chính quyền địa phương xác nhận chị T có đủ điều kiện nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81 (*quy định về việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn*) của Luật hôn nhân và gia đình 2014, giao cháu Cao Vĩ K, giới tính nam, sinh ngày 21/02/2009 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Căn cứ Điều 82 (*quy định nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn*) của Luật hôn nhân và gia đình 2014, anh H là người không trực tiếp nuôi con có quyền trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

[6] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Do chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị T xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] *Về án phí sơ thẩm*: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ, chị T phải chịu toàn bộ án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị La Ánh T được ly hôn với anh Cao Văn H.
2. Về con chung: Giao cháu Cao Vĩ K, giới tính nam, sinh ngày 21/02/2009 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng (cháu K đang chung sống với chị

T), anh H không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh H có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và không thiếu nợ ai nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Án phí sơ thẩm: Chị La Ánh T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000đ, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0004053 ngày 12/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận; chị Tuyết đã nộp đủ án phí.

5. Nguyên đơn chị T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND phường 2, tp Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Phụng